

Số: 2384 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 03 tháng 07 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 31 lô đất ở tại Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn và Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 31 lô đất ở tại Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn và Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao;*

*Căn cứ Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 31 lô đất ở tại Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn và Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao.*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 304/TTr-STC ngày 28/6/2023 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 22/6/2023).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 31 lô đất ở tại Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn và Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao; chi tiết như Phụ lục số 01, 02 kèm theo.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 31 lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, XD;
- UBND huyện Tuy Phước;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**Phụ lục số 01**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA 10 LÔ ĐẤT Ở TẠI KHU TÁI ĐỊNH CƯ**  
**VINH QUANG, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN TUY PHƯỚC**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Ký hiệu lô đất | Số lô     | Diện tích (m2)  | Tên đường                | Lộ giới (m) | Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt (đồng/m2) | Ghi chú                       |
|-----|----------------|-----------|-----------------|--------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | OTM1-01        | 1         | 243,50          | Tuyến D5<br>Tuyến N2     | 19<br>14    | 9.600.000                                                            | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
| 2   | OTM1-02        | 1         | 240,00          | Tuyến D5                 | 19          | 8.000.000                                                            |                               |
| 3   | OTM1-03        | 1         | 240,00          | Tuyến D5                 | 19          | 8.000.000                                                            |                               |
| 4   | OTM1-04        | 1         | 240,00          | Tuyến D5                 | 19          | 8.000.000                                                            |                               |
| 5   | OTM1-05        | 1         | 243,50          | Tuyến D5<br>Đường nội bộ | 19<br>4     | 8.800.000                                                            | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,1) |
| 6   | OTM1-06        | 1         | 243,50          | Tuyến D5<br>Đường nội bộ | 19<br>4     | 8.800.000                                                            | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,1) |
| 7   | OTM1-07        | 1         | 240,00          | Tuyến D5                 | 19          | 8.000.000                                                            |                               |
| 8   | OTM1-08        | 1         | 240,00          | Tuyến D5                 | 19          | 8.000.000                                                            |                               |
| 9   | OTM1-09        | 1         | 240,00          | Tuyến D5                 | 19          | 8.000.000                                                            |                               |
| 10  | OTM1-10        | 1         | 236,50          | Tuyến D5<br>Tuyến N1     | 19<br>13    | 9.600.000                                                            | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
|     | <b>Cộng</b>    | <b>10</b> | <b>2.407,00</b> |                          |             |                                                                      |                               |

**Phụ lục số 02**  
**ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA 21 LÔ ĐẤT Ở TẠI KHU TÁI ĐỊNH CƯ**  
**QUẢNG VÂN, XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        /        /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT        | Ký hiệu lô đất  | Số lô    | Diện tích (m2)  | Tên đường               | Lộ giới (m) | Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt (đồng/m2) | Ghi chú                       |
|------------|-----------------|----------|-----------------|-------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Khu OBT1</b> | <b>7</b> | <b>1.888,96</b> |                         |             |                                                                      |                               |
| 1          | OBT1-01         | 1        | 269,48          | Đường D1<br>Đường lộ N3 | 14<br>14    | 13.200.000                                                           | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
| 2          | OBT1-02         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 3          | OBT1-03         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 4          | OBT1-04         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 5          | OBT1-05         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 6          | OBT1-06         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 7          | OBT1-07         | 1        | 269,48          | Đường D2<br>Đường lộ N3 | 14<br>14    | 13.200.000                                                           | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
| <b>II</b>  | <b>Khu OBT2</b> | <b>8</b> | <b>2.261,68</b> |                         |             |                                                                      |                               |
| 1          | OBT2-01         | 1        | 269,48          | Đường D2<br>Đường lộ N3 | 14<br>14    | 13.200.000                                                           | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
| 2          | OBT2-02         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 3          | OBT2-03         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 4          | OBT2-04         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 5          | OBT2-05         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 6          | OBT2-06         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 7          | OBT2-07         | 1        | 270,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 8          | OBT2-08         | 1        | 372,20          | Đường D3<br>Đường lộ N3 | 14<br>14    | 13.200.000                                                           | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
| <b>III</b> | <b>Khu OBT3</b> | <b>6</b> | <b>2.744,54</b> |                         |             |                                                                      |                               |
| 1          | OBT3-1          | 1        | 492,56          | Đường D3<br>Đường lộ N3 | 14<br>14    | 13.200.000                                                           | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
| 2          | OBT3-2          | 1        | 450,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 3          | OBT3-3          | 1        | 450,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 4          | OBT3-4          | 1        | 450,00          | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |

| STT | Ký hiệu lô đất | Số lô | Diện tích (m2) | Tên đường               | Lộ giới (m) | Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt (đồng/m2) | Ghi chú                       |
|-----|----------------|-------|----------------|-------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 5   | OBT3-5         | 1     | 450,00         | Đường lộ N3             | 14          | 11.000.000                                                           |                               |
| 6   | OBT3-6         | 1     | 451,98         | Đường D4<br>Đường lộ N3 | 14<br>14    | 13.200.000                                                           | Lô góc<br>(đã nhân hệ số 1,2) |
|     | Cộng           | 21    | 6.895,18       |                         |             |                                                                      |                               |